

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRỊ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 570 /QĐ-UBND

Trị An, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo quý II năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRỊ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về việc quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 27/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt kết quả điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025, áp dụng cho năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND xã Trị An về công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cuối năm 2025 trên địa bàn xã;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 254/TTr-PKHTĐT ngày 29/06/2026 về việc hỗ trợ tiền điện hộ nghèo quý II năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ tiền điện cho 35 hộ nghèo quý II năm 2026 với tổng kinh phí: **6.877.500 đồng** (Sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).
Cách tính: 35 hộ × 65.500 đồng/tháng × 03 tháng = 6.877.500 đồng.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện đảm bảo chế độ, chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo đúng quy định hiện hành. Kinh phí chi từ nguồn đảm bảo xã hội của phường.

Điều 3. Giao Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường thông tin công khai trên hệ thống truyền thanh và bảng tin của phường để người dân biết.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Chánh, PVP HĐND&UBND phường;
- Lưu: VT (Tú).



Nguyễn Thị Dung

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRỊ AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc



DANH SÁCH
HỘ NGHÈO NHẬN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 570 /QĐ-UBND ngày 03 / 7 /2026 của UBND phường Trị An)

STT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (tổ, ấp)	Chuẩn nghèo trung ương	Chuẩn nghèo tỉnh	Mức hỗ trợ /tháng (đồng)	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1	Lê Thị Thu	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
2	Trần Thanh Hồng	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
3	Trần Văn Tâm	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
4	Nguyễn Văn Thanh	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
5	Nguyễn Đình Ái	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
6	Phạm Thị Canh	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
7	Lê Văn Anh	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
8	Hoàng Văn Liên	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
9	Đặng Thị Chắt	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
10	Lâm Văn Phát	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
11	Bùi Hữu Trọng	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
12	Trần Thị Kim Cúc	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	



13	Trần Thị Tâm	Khu phố Trị An		X	65.500	3	196.500	
14	Đinh Văn Phước	Khu phố Hiếu Liêm		X	65.500	3	196.500	
15	Doanh Duy Khánh	Khu phố Hiếu Liêm		X	65.500	3	196.500	
16	Lê Thị Gạo	Khu phố Hiếu Liêm		X	65.500	3	196.500	
17	Đinh Thị Bích Vân	Khu phố Hiếu Liêm		X	65.500	3	196.500	
18	Huỳnh Chí Trung	Khu phố Hiếu Liêm		X	65.500	3	196.500	
19	Cù Thị Tăng	Khu phố Mã Đà		X	65.500	3	196.500	
20	Nguyễn Thị Lục	Khu phố Mã Đà		X	65.500	3	196.500	
21	Huỳnh Thị Thanh	Khu phố Mã Đà		X	65.500	3	196.500	
22	Võ Văn Hùng	Khu phố Mã Đà		X	65.500	3	196.500	
23	Đỗ Thị Yến	Khu phố Mã Đà		X	65.500	3	196.500	
24	Nguyễn Văn Chuyển	Khu phố Mã Đà		X	65.500	3	196.500	
25	Nguyễn Thị Bình	Khu phố Mã Đà		X	65.500	3	196.500	
26	Nguyễn Văn Thuận	Khu phố Bà Hào		X	65.500	3	196.500	
27	Bùi Văn Phần	Khu phố Bà Hào		X	65.500	3	196.500	
28	Hồ Thị Hai	Khu phố Bà Hào		X	65.500	3	196.500	
29	Trần Thị Hạnh	Khu phố Bà Hào		X	65.500	3	196.500	
30	Ngô Thị Hoa	Khu phố Bà Hào		X	65.500	3	196.500	

31	Trần Văn Tài	Khu Phố Vĩnh An 1		X	65.500	3	196.500	
32	Tạ Thị Thanh	Khu Phố Vĩnh An 1		X	65.500	3	196.500	
33	Nguyễn Anh Tú	Khu Phố Vĩnh An 1		X	65.500	3	196.500	
34	Nguyễn Thị Hồng	Khu Phố Vĩnh An 1		X	65.500	3	196.500	
35	Vũ Quang Năng	Khu phố Vĩnh An 2		X	65.500	3	196.500	
TỔNG CỘNG: 35 hộ							6.877.500	

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm đồng.

